|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH HƯNG YÊN**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số: 90/2016/NQ-HĐND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *Hưng Yên, ngày 20 tháng 12 năm 2016* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc sửa đổi Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 31/7/2013**

**của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chức danh, số lượng**

**và mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động**

**không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

**KHOÁ XVI - KỲ HỌP THỨ BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 140/TTr-UBND ngày 06/12/2016 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến của các đại biểu tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi Mục I; Khoản 1, Khoản 2 Mục II; Mục IV Điều 1 và Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 31/7/2013 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố như sau:

**1. Chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố sửa đổi:**

- Trưởng khối Dân vận do Bí thư Đảng ủy kiêm.

- Trưởng Ban Tuyên giáo do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm.

- Chủ nhiệm UBKT do Phó Chủ tịch HĐND kiêm.

- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ do Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ kiêm.

- Chủ tịch Hội Người cao tuổi không kiêm.

- Trưởng Đài truyền thanh do Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh kiêm.

- Phó Trưởng Đài truyền thanh do nhân viên Văn phòng Đảng ủy kiêm.

- Nhân viên Đài truyền thanh do Phó Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh kiêm.

- Nhân viên Dân số, kế hoạch hóa gia đình và trẻ em do Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ kiêm.

- Ủy viên UBKT Đảng ủy do Chủ tịch Hội Phụ nữ và Phó Chủ tịch Hội: Nông dân, Cựu Chiến binh kiêm. Đối với các xã, phường, thị trấn có phó các đoàn thể không là đảng viên và các phường của thành phố Hưng Yên không có Hội Nông dân thì bố trí cấp trưởng các đoàn thể kiêm Ủy viên UBKT Đảng ủy.

- Công an viên thường trực ở xã:

+ Đối với các xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (32 xã) bố trí 02 công an viên thường trực.

+ Các xã còn lại, bố trí 03 công an viên thôn kiêm.

- Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố không kiêm.

- Bỏ quy định công an viên ở thôn kiêm Phó Trưởng thôn; mỗi thôn, tổ dân phố bố trí 01 Phó Trưởng thôn, tổ dân phố (không kiêm nhiệm), riêng với thôn, tổ dân phố loại 1 được bố trí thêm 01 người.

- Bố trí mỗi thôn 01 công an viên không kiêm nhiệm, riêng đối với thôn loại 1 được bố trí thêm 01 người.

Đối với các chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; thôn, tổ dân phố còn lại giữ nguyên theo Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 31/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

*(Có Phụ lục 1, 2 gồm các chức danh theo Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND không sửa đổi và các chức danh sửa đổi kèm theo)*

**2. Chế độ chính sách**

- Mức phụ cấp hàng tháng đối với chức danh công an viên thường trực ở những xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự hưởng phụ cấp hệ số 1,1 mức lương cơ sở.

- Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

- Mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm đối với các chức danh còn lại và các chế độ, chính sách khác đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 31/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**3. Phụ cấp kiêm nhiệm và quy định liên quan khác**

- Khuyến khích cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố thực hiện kiêm nhiệm chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố ngoài các chức danh quy định tại Khoản 1, Điều 1 Nghị quyết này;

- Cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố được bố trí kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hệ số 0,3 mức lương cơ sở cho mỗi chức danh kiêm nhiệm.

- Đối với các chức danh bầu chưa hết nhiệm kỳ thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ và hưởng nguyên mức phụ cấp cho đến hết nhiệm kỳ theo quy định tại Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 31/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Từ nhiệm kỳ tiếp theo bố trí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

- Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố là đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

**Điều 2. Nguồn kinh phí và thời gian thực hiện**

1. Mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố được thực hiện kể từ ngày 01/01/2017; hàng năm được cân đối trong dự toán thu, chi ngân sách xã, phường, thị trấn.

2. Mức phụ cấp hàng tháng và phụ cấp kiêm nhiệm của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố được tính theo mức lương cơ sở do nhà nước quy định; khi mức lương cơ sở thay đổi thì mức phụ cấp được điều chỉnh tương ứng.

**Điều 3.** **Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2016, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH**  **Đỗ Xuân Tuyên** |

**Phụ lục số 01**

**VỀ CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG**

**KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ; THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND tỉnh)*

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**1. Đối với cấp xã**

| **TT** | **Chức danh và việc**  **bố trí sắp xếp các chức danh** | **Số lượng người theo phân loại xã, phường, thị trấn** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xã trọng điểm phức tạp** | **Loại 1** | **Loại 2** | **Loại 3** |
| 1 | Chủ tịch Hội Người cao tuổi |  | 1 | 1 | 1 |
| 2 | Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ |  | 1 | 1 | 1 |
| 3 | Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy |  | 1 | 1 | 1 |
| 4 | Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ |  | 1 | 1 | 1 |
| 5 | Phó Chủ tịch Hội Nông dân |  | 1 | 1 | 1 |
| 6 | Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh |  | 1 | 1 | 1 |
| 7 | Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh |  | 1 | 1 | 1 |
| 8 | Phó Chỉ huy trưởng Quân sự | 2 | 2 | 1 | 1 |
| 9 | Nhân viên Văn phòng Đảng ủy |  | 1 | 1 | 1 |
| 10 | Nhân viên Chăn nuôi thú y |  | 1 | 1 | 1 |
| 11 | Phó Trưởng Công an |  | 1 | 1 | 1 |
| Đối với xã loại 1, loại 2 và xã trọng điểm, phức tạp thuộc xã loại 3 được bố trí thêm 01 Phó Trưởng Công an do công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm, hưởng lương chức danh công chức, thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Phó Trưởng công an | 1  (Kiêm nhiệm) | 1  (Kiêm nhiệm) | 1  (Kiêm nhiệm) | 0 |
| 12 | Công an viên thường trực ở xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (mỗi xã 02 người) | 02 |  |  |  |
| Công an viên thường trực ở các xã còn lại (mỗi xã 03 người do Công an viên ở thôn kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 13 | Trưởng khối Dân vận  (do Bí thư Đảng ủy kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 14 | Trưởng ban Tuyên giáo  (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 15 | Trưởng ban Tổ chức Đảng  (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 16 | Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy  (Do Phó Chủ tịch HĐND kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 17 | Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ  (do Phó Chủ tịch UBMTTQ kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 18 | Trưởng ban Thanh tra nhân dân  (do Phó Chủ tịch UBMTTQ kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 19 | Trưởng Đài truyền thanh  (do Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 20 | Phó Trưởng Đài truyền thanh  (do Nhân viên Văn phòng Đảng ủy kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 21 | Ủy viên UBKT Đảng ủy (do Chủ tịch Hội LHPN và Phó Chủ tịch các Hội: Nông dân, Cựu chiến binh kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 22 | Nhân viên Thủ quỹ - Văn thư, lưu trữ (do công chức Văn phòng - Thống kê kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 23 | Nhân viên Dân số, kế hoạch hóa gia đình và trẻ em (do Phó Chủ tịch Hội LHPN kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 24 | Nhân viên Đài truyền thanh (do Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 25 | Khuyến nông viên (do Nhân viên Chăn nuôi thú y kiêm) |  | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |

**2. Đối với thôn, tổ dân phố**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức danh và việc**  **bố trí sắp xếp các chức danh** | **Số lượng người theo phân loại thôn, tổ dân phố** | | |
| **Loại 1** | **Loại 2** | **Loại 3** |
| **I** | **Bí thư chi bộ; Trưởng, Phó Trưởng thôn, tổ dân phố; Công an viên; Thôn đội trưởng và Nhân viên y tế thôn** |  |  |  |
| 1 | Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố (Bí thư chi bộ bố trí theo thực tế) | 1 | 1 | 1 |
| 2 | Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố | 1 | 1 | 1 |
| 3 | Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố | 2 | 1 | 1 |
| 4 | Công an viên làm việc ở thôn | 2 | 1 | 1 |
| 5 | Thôn đội trưởng mỗi thôn có 01 người do Tiểu đội trưởng dân quân tự vệ kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm | Kiêm nhiệm |
| 6 | Nhân viên y tếthôn theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg | 2 | 1 | 1 |
| **II** | **Bảo vệ dân phố theo Nghị định số 38/2006/NĐ-CP (các phường thuộc thành phố Hưng Yên)** |  |  |  |
| 1 | Trưởng ban Bảo vệ dân phố | 1 | 1 | 1 |
| 2 | Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố | 1 | 1 | 1 |
| 3 | Tổ trưởng Bảo vệ dân phố | 1 | 1 | 1 |
| 4 | Tổ viên Bảo vệ dân phố | 2 | 2 | 2 |

**Phụ lục số 02**

**VỀ MỨC PHỤ CẤP HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ; THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 90/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND tỉnh)*

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**1. Đối với cấp xã**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức danh** | **Mức phụ cấp** | |
| **Mức phụ cấp** | **Kiêm nhiệm** |
| 1 | Chủ tịch Hội Người cao tuổi | 0,9 |  |
| 2 | Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ | 0,8 |  |
| 3 | Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy | 1,2 |  |
| 4 | Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ | 0,8 |  |
| 5 | Phó Chủ tịch Hội Nông dân | 0,8 |  |
| 6 | Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh | 0,8 |  |
| 7 | Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | 0,8 |  |
| 8 | Phó Chỉ huy trưởng Quân sự | 1,3 |  |
| 9 | Nhân viên Văn phòng Đảng ủy | 1,1 |  |
| 10 | Nhân viên Chăn nuôi thú y | 1,1 |  |
| 11 | Phó Trưởng Công an | 1,3 |  |
| Đối với xã loại 1, loại 2 và xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự thuộc xã loại 3 được bố trí thêm 01 Phó Trưởng Công an do công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm, hưởng lương chức danh công chức, thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Phó Trưởng công an | Hưởng lương công chức | Không hưởng phụ cấp kiêm nhiệm |
| 12 | Công an viên thường trực ở xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (32 xã) | 1,1 |  |
| Công an viên thường trực ở các xã còn lại (*kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 13 | Trưởng khối Dân vận *(kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 14 | Trưởng ban Tuyên giáo (*kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 15 | Trưởng ban Tổ chức Đảng (*kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 16 | Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy *(kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 17 | Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ (*kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 18 | Trưởng ban Thanh tra nhân dân *(kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 19 | Trưởng Đài truyền thanh *(kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 20 | Phó Trưởng Đài truyền thanh *(kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 21 | Ủy viên UBKT Đảng ủy *(kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 22 | Nhân viên Thủ quỹ- Văn thư, lưu trữ *(kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 23 | Nhân viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và trẻ em *(kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 24 | Nhân viên Đài truyền thanh *(kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 25 | Khuyến nông viên *(kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |

**2. Đối với thôn, tổ dân phố**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức danh** | **Mức phụ cấp** | |
| **Mức phụ cấp** | **Phụ cấp kiêm nhiệm** |
| **1** | **Bí thư chi bộ; Trưởng, Phó Trưởng thôn, tổ dân phố;**  **Công an viên; Thôn đội trưởng; Nhân viên y tế thôn** |  |  |
| 1.1 | Bí thư chi bộ:  - Đối với thôn, tổ dân phố loại 1  - Đối với thôn, tổ dân phố loại 2  - Đối với thôn, tổ dân phố loại 3  - Đối với thôn, tổ dân phố có nhiều chi bộ | 1,3  1,2  1,1  1,0 |  |
| 1.2 | Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:  - Đối với thôn, tổ dân phố loại 1  - Đối với thôn, tổ dân phố loại 2  - Đối với thôn, tổ dân phố loại 3 | 1,3  1,2  1,1 |  |
| 1.3 | Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố | 1,0 |  |
| 1.4 | Công an viên làm việc ở thôn | 0,9 |  |
| 1.5 | Thôn đội trưởng mỗi thôn có 01 người (*kiêm nhiệm)* |  | 0,3 |
| 1.6 | Nhân viên y tếthôn theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg | 0,3 |  |
| **2** | **Bảo vệ dân phố theo Nghị định số 38/2006/NĐ-CP**  **(các phường thuộc thành phố Hưng Yên)** |  |  |
| 2.1 | Trưởng ban Bảo vệ dân phố | 0,7 |  |
| 2.2 | Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố | 0,6 |  |
| 2.3 | Tổ trưởng Bảo vệ dân phố | 0,55 |  |
| 2.4 | Tổ viên Bảo vệ dân phố | 0,5 |  |